TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 4 - 2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông ông Phạm Công Gia, bà Phạm Thị Liễu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Huỳnh là Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 20201, về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú tại tổ 1, ấp Phú Hợp A, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1995; nơi cư trú tại số nhà 1968/6, tổ 1, ấp Thọ Lâm 1, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2021 và ý kiến trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Kim Lành trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:*

Nguyên đơn và bị đơn ông Lê Văn L tự nguyện kết hôn, đến ngày 10 tháng 7 năm 2019 được Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc trong thời gian đầu, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề kinh tế gia đình nên không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn giúp đỡ về trách nhiệm trong mối quan hệ của vợ chồng nên đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện ly hôn nhiều lần, tình yêu thương của vợ chồng không có nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án cho các đương sự được ly hôn.

Đến nay vợ chồng các đương sự chưa có con;

Vợ chồng không có nợ chung; về tài sản chung của vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

** Trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án bị đơn ông Lê Văn L trình bày ý kiến như sau:*

Bị đơn thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn về hôn nhân, con, quan hệ tài sản là đúng sự thật; trong tháng 02 năm 2021 vợ chồng các đương sự có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên hai người đã sống ly thân đến nay, các đương sự không còn tình yêu trong quan hệ vợ chồng, bị đơn đồng ý ly hôn nhưng không thể ký các văn bản của Tòa án lập giải quyết ly hôn vì bị đơn là người theo đạo Thiên chúa giáo.

Về các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn gửi đến Tòa án: Đơn khởi kiện, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng các đương sự (bản chính); văn bản xác nhận của chính quyền địa phường về nơi đăng ký thường trú của bị đơn (bản chính), quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 107/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xác minh, thực hiện: Biên bản xác minh của Tòa án; văn bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự của nguyên đơn và bị đơn.

Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã tống đạt hợp lệ các tài liệu, chứng cứ vụ án đến nguyên đơn, bị đơn được biết để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đề nghị như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nghiên cứu và tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định tại khoản 1 Điều 203, khoản 2 Điều 220, Điều 170 đến Điều 175, Điều 178, Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đúng quy định tại các Điều 51, Điều 63, Điều 239, Điều 243, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Vợ chồng các đương sự đều có ý kiến đồng ý ly hôn nên giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Kim L, cho các đương sự được ly hôn.

Về con không có; về tài sản chung, nợ chung: Giành quyền khởi kiện của các bên khi có phát sinh tranh chấp. Về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Bị đơn ông Lê Văn L có nơi cư trú tại xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn là ông Lê Văn L thì quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Trần Thị Kim L khởi kiện là nguyên đơn và ông Lê Văn L là người bị kiện thì ông là bị đơn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân của các đương sự bà Trần Thị Kim L và ông Lê Văn L là tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

Ý kiến của nguyên đơn yêu cầu được ly hôn vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân nên không còn sống chung từ tháng 02 năm 2021 đến nay; bị đơn thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng nên không còn sống chung, đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là phù hợp các Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đến nay các đương sự bà Trần Thị Kim L và ông Lê Văn L chưa có con, không có nợ chung, về tài sản chung của vợ chồng các đương không có tranh chấp không khởi kiện thì Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho các đương sự được ly hôn là phù hợp với các chứng cứ vụ án và các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị Kim L:

Bà Trần Thị Kim L được ly hôn đối với ông Lê Văn L;

Đến nay bà Trần Thị Kim L và ông Lê Văn L không có con, các đương sự không khởi kiện về tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không giải quyết các vấn đề này.

2. Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004036 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú-ĐN;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính